TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ , TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày 18/10/2018
"V/v *Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đông Phong
2. Bà Nguyễn Thị Hải Lý

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2018/TLST-DS ngày 13/3/2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/ QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội; địa chỉ cư trú: Tòa nhà CC5 bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ủy quyền lại cho ông Nguyễn Xuân N - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai, theo giấy ủy quyền số 15/NHCS-GUQ ngày 23/4/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1969; địa chỉ cư trú: Làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Đ (tên gọi khác Phạm Văn Đ), sinh năm: 1952; địa chỉ cư trú: Làng K, xã Yang Bắc, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/2/2018 và bản tự khai ngày 05/3/2018, đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng chính sách xã hội bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà Huỳnh Thị H có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Hội nông dân xã Y, vay vốn chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay vốn là chăn nuôi bò sinh sản, mã món vay số 6000004200120755, lãi suất vay 0,9%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/8/2017. Nợ lãi đến ngày 25/02/2018 là 10.189.974 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 40.189.974 đồng. Đến nay bà H và chồng là ông Đ chưa trả nợ gốc và lãi nên yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông Đ phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2018 bà Huỳnh Thị H trình bày: Bà H có vay Ngân hàng chính sách xã hội với số tiền là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 10.386.194 đồng, đến nay bà H vẫn chưa trả được số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Xuân N trình bày: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án tính đến ngày 23/5/2018 bà H và ông Đ đã trả cho ngân hàng với số tiền là 10.870.817đồng tiền lãi và 4.120.000đồng tiền gốc. Hiện tại tính đến ngày xét xử sơ thẩm còn nợ 25.880.000đồng tiền gốc và 1.463.376đồng tiền lãi phát sinh sau ngày 23/5/2018. Đề nghị Tòa án buộc bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử là 27.343.376 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phạm Đ nhưng ông Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai của ông Đ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/6/2018 các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 01 Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ; 01 đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí; 01 Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015 của Ngân hàng Chính sách Xã hội; 01 Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ số 511/QĐ-NHCS ngày 14/11/2016 của Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh tỉnh Gia Lai; 01 sổ vay vốn, mã KH: 110210; 01 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay; 01 giấy đề nghị cho gia hạn nợ; 01 sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - Thu nợ - Dư nợ; 01 bản tự khai ngày 05/3/2018; 01 giấy ủy quyền của Ngân hàng Chính sách Xã hội - Phòng giao dịch huyện Đ ngày 23/4/2018;

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn đã giao nộp cho Tòa án để chứng minh: 01 bản tự khai của bà Huỳnh Thị H ngày 11/4/2018; 01 giấy chứng minh nhân dân của bà Huỳnh Thị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không hòa giải được và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ý kiến của kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều

467; điểm b khoản 1 Điều 6881 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội. Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội toàn bộ số tiền gốc đã vay và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng chính sách xã hội có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ phải trả toàn bộ khoản nợ vay cùng với lãi suất. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà H và ông Đ không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều 173 và Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bà Huỳnh Thị H có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Hội nông dân xã Y, vay vốn chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay vốn là chăn nuôi bò sinh sản, mã món vay số 6000004200120755, lãi suất vay 0,9%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/8/2017. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án tính đến ngày 23/5/2018 bà H đã trả được một phần nợ gốc số tiền là 4.120.000đồng và toàn bộ số tiền lãi là 10.870.817đồng, nên đại diện Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền trên. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà H còn nợ 25.880.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh là 1.463.376đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 27.343.376 đồng.

Xét về hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nhưng đang thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của bộ luật này nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp. Hợp đồng giữa Ngân hàng chính sách xã hội và bà Huỳnh Thị H thông qua giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, thỏa thuận lãi và thỏa thuận về mục đích sử dụng vốn vay, nhưng sau khi nhận đủ số tiền vay và đến hạn trả nợ như các bên đã

thỏa thuận là ngày 25/8/2017 bà H không trả nợ gốc và lãi nên Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông Đ trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mà bà H đã trả được một phần gốc và lãi tính đến ngày 23/5/2018 là hoàn toàn có cơ sở đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về quan hệ gia đình giữa bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ là vợ chồng, do đó việc bà H vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, nguồn vốn trên sử dụng vào việc chăn nuôi bò sinh sản. Mục đích của việc sử dụng nguồn vốn trên là phục vụ cho lợi ích chung của hộ gia đình nên được xem là nợ chung của hộ gia đình. Do đó, cần phải buộc ông Phạm Đ có nghĩa vụ liên đới với bà Huỳnh Thị H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung.

Từ những nhận định trên buộc bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số nợ gốc là 25.880.000đồng, cộng với tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.463.376đồng. Tổng số tiền mà bà H và ông Đ phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội là 27.343.376đồng.

3. Về án phí: Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội. Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc 25.880.000đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) cộng tiền nợ lãi suất là 1.463.376đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng). Tổng cộng 27.343.376đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Việc tính lãi và lãi suất quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết, kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán

hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Đ phải liên đới nộp 1.367.168đồng (một triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18/10/2018. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi họ cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình